

TÁI CƠ CẤU DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC: THỰC TRẠNG VÀ VẤN ĐỀ

Mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp tái cơ cấu DNNN

Ngày 17/7/2012, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án “Tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2011 - 2015”. Đây là căn cứ quan trọng để thúc đẩy việc tái cơ cấu DNNN, vốn đã mang tính rất thời sự trước và tại thời điểm đó.

Mục tiêu tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước được đặt ra rất rõ ràng cụ thể, nhằm vào 2 vấn đề chính là:

- Ngành nghề lĩnh vực kinh doanh: tái cơ cấu để DNNN tập trung vào ngành, lĩnh vực then chốt, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu cho xã hội và quốc phòng, an ninh, làm nòng cốt để kinh tế nhà nước thực hiện được vai trò chủ đạo, là lực lượng vật chất quan trọng để Nhà nước định hướng, điều tiết nền kinh tế và ổn định kinh tế vĩ mô.

- Hiệu quả sản xuất kinh doanh: Nâng cao sức cạnh tranh, tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu đối với doanh nghiệp kinh doanh; hoàn thành nhiệm vụ sản xuất, cung ứng các sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu cho xã hội, quốc phòng, an ninh đối với doanh nghiệp hoạt động công ích.

Trên cơ sở mục tiêu đặt ra, Đề án nêu 5 nhóm nhiệm vụ cần thực hiện trong giai đoạn 2011-2015 là:

(1) Phân loại doanh nghiệp 100% vốn nhà nước hiện có theo 4 nhóm.

(2) Thực hiện việc thoái vốn nhà nước đã đầu tư vào ngành không phải kinh doanh chính hoặc không trực tiếp liên quan với ngành kinh doanh chính; vốn nhà nước ở công ty cổ phần mà Nhà nước không cần chi phối, theo nguyên tắc thị trường.

(3) Tái cơ cấu doanh nghiệp theo ngành, lĩnh vực không phân biệt cấp, cơ quan quản lý. Trước mắt, trong các lĩnh vực xây dựng, thương mại, viễn thông, xuất bản, xổ số kiến thiết, cấp thoát nước, môi trường đô thị, thủy nông, quản lý và sửa chữa đường bộ, đường sắt, đường thủy...

(4) Tái cơ cấu tập đoàn, tổng công ty nhà nước một cách toàn diện từ mô hình tổ chức, quản lý, nguồn nhân lực, ngành nghề sản xuất kinh doanh, chiến lược phát triển, đầu tư đến thị trường và sản phẩm. Tổ chức lại một số tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước cho phù hợp với thực trạng và yêu cầu nhiệm vụ.

(5) Hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách đối với doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, về cổ phần hoá, bán, giao, giải thể, phá sản doanh nghiệp.

Nhằm thực hiện các nhiệm vụ trên, Đề án đã đặt ra 6 nhóm giải pháp, trong đó có những nhóm được nêu rõ các giải pháp cụ thể, từ vấn đề nhận thức, chính

sách, đến việc triển khai và trách nhiệm thực hiện. Một số mốc công việc được nêu ra cụ thể:

(1) Hoàn thành phê duyệt phương án sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước đến năm 2015 của các Bộ, ngành, địa phương, tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước. Xác định số lượng, danh sách cụ thể các doanh nghiệp Nhà nước nắm giữ 100%, nắm giữ trên 75%, nắm giữ từ 65% đến 75%, nắm giữ từ trên 50% đến dưới 65% vốn điều lệ và các doanh nghiệp khác. Trong quá trình thực hiện, căn cứ tình hình thực tế, tiếp tục rà soát để đẩy mạnh cổ phần hóa.

(2) Thực hiện cho được mục tiêu sắp xếp, cổ phần hóa doanh nghiệp theo các phương án đã được phê duyệt; coi đây là nhiệm vụ trọng tâm trong các năm 2012 - 2015.

(3) Từng tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập trình Thủ tướng Chính phủ; từng tổng công ty, doanh nghiệp do Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định thành lập trình Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố Đề án tái cơ cấu để phê duyệt trong Quý III năm 2012 và triển khai thực hiện với các nội dung chủ yếu sau: Rà soát, xác định lại nhiệm vụ, ngành nghề kinh doanh chính; Xây dựng chiến lược phát triển đến năm 2015, tầm nhìn đến 2020; Xây dựng phương án tổ chức lại sản xuất kinh doanh, triển khai tái cơ cấu các doanh nghiệp thành viên để thực hiện chuyên môn hóa, phân công, hợp tác; Xây dựng phương án tài chính để triển khai thực hiện nhiệm vụ chính được giao và xử lý các tồn tại về tài chính trong quá trình tái cơ cấu; Chấm dứt tình trạng đầu tư ra ngoài ngành, lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính trước năm 2015.

(4) Các Bộ quản lý ngành kinh tế kỹ thuật (Xây dựng, Công Thương, Thông tin và Truyền thông, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải) rà soát, đánh giá tính hợp lý, khả năng, điều kiện, cách thức tổ chức lại, từ đó xây dựng phương án tái cơ cấu doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực phụ trách không phân biệt cấp, cơ quan quản lý, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong Quý III năm 2012 và chỉ đạo triển khai thực hiện.

Như vậy, nội dung của Đề án đã đặt ra và yêu cầu khi thực hiện tái cơ cấu DNNN, mỗi doanh nghiệp, tập đoàn, tổng công ty sẽ phải tổ chức, sắp xếp lại cơ cấu các bộ phận, tổ chức (tái cơ cấu về định chế), đồng thời để hệ thống các bộ phận, tổ chức đã được sắp xếp lại này hoạt động đồng bộ theo hướng đích mong muốn, cần điều chỉnh, bổ sung các quy định ràng buộc liên quan (tái cơ cấu về thiết chế), đồng thời Nhà nước cần xây dựng và điều chỉnh bổ sung các quy định, hướng dẫn và tổ chức thực hiện quá trình tái cơ cấu nói trên (tái cơ cấu về thể chế).

Quá trình và kết quả thực hiện

(1) Về các đề án tái cơ cấu

Tính đến tháng 8/2013, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt 100/101 đề án sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp của các bộ, ngành, địa phương giai đoạn 2011-2015. Có hơn 40 đề án tái cơ cấu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Các tập đoàn, tổng công ty nhà nước còn lại đã và đang hoàn chỉnh đề án và đang được cơ quan có thẩm quyền xem xét phê duyệt.

Qua nội dung của hơn 40 đề án tái cơ cấu DNNN đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt cho thấy, về cơ bản đã thể hiện được tinh thần trách nhiệm và nhận thức cao về sự cần thiết phải tái cơ cấu. Tuy nhiên, cũng dễ dàng nhận thấy nhiều nội dung tái cơ cấu là thách thức thực sự và đòi hỏi thời gian, một số nội dung còn chưa đủ cụ thể để thực hiện và giám sát, một số nội dung quan trọng nhưng chưa được thể hiện rõ:

- Thực tế, với phần đánh giá thực trạng, một số các đề án chưa đánh giá hết các tồn tại trong quản lý điều hành, quản lý tài chính cũng như hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp (chủ yếu là các tập đoàn, tổng công ty). Cụ thể: chưa có đánh giá sâu để có những thay đổi về cơ cấu tổ chức bộ máy của các tập đoàn, tổng công ty, nhất là đối với doanh nghiệp có nhiều đơn vị thành viên, nhiều phòng ban chức năng, hiệu quả hoạt động chưa cao; thiếu các phân tích và đánh giá rõ ràng, đầy đủ về hiện trạng tài chính theo những chỉ số thông dụng nhất, như tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu, hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu, khả năng thanh toán, phân bổ vốn đầu tư theo ngành lĩnh vực... để từ đó đặt ra yêu cầu tái cơ cấu tài chính; Chưa đi sâu phân tích vấn đề năng suất lao động và hiệu quả sản xuất kinh doanh trong tương quan so sánh của thị trường, để sắp xếp, đào tạo lại lao động.

- Hành động trong đề án của các tập đoàn, tổng công ty phần nhiều mới tập trung ở việc sắp xếp thu gọn đầu mối doanh nghiệp trực thuộc theo hình thức sáp nhập, hợp nhất. Đây có lẽ là nội dung nổi trội và rõ ràng nhất, nhưng nhiều đề án lại chưa nêu được các giải pháp căn bản để tái cơ cấu hướng theo mục tiêu đã xác định là tập trung vào ngành nghề kinh doanh chính và cải thiện hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Nhiều đề án còn thiếu các nội dung, giải pháp đổi mới thiết bị công nghệ để tiết kiệm chi phí, tạo điều kiện tăng năng suất lao động, bắt kịp xu hướng phát triển của thị trường.

- Nội dung về đổi mới quản trị doanh nghiệp chưa sâu, chưa có những giải pháp rõ nét, thay đổi và thích ứng với thị trường, với sự quản lý, giám sát vốn nhà nước của chủ sở hữu.

- Trong các đề án cũng như trong quyết định phê duyệt tái cơ cấu, nội dung tái cơ cấu lại tình hình tài chính, vay nợ, đào tạo đổi mới lao động, các chỉ số định

hướng kết quả đầu ra, được đề cập không nhiều. Kèm theo có nhiều giải pháp và đề xuất kiến nghị, nhưng chưa có những giải pháp mạnh mẽ, có tính chuyên biến.

(2) Những chuyên biến theo mục tiêu tái cơ cấu (thay đổi về ngành nghề lĩnh vực kinh doanh và cải thiện hiệu quả sản xuất kinh doanh)

Do thời gian triển khai Quyết định 929/QĐ-TTg còn ngắn, chủ yếu đang trong quá trình xây dựng và phê duyệt các đề án cụ thể, xây dựng và trình duyệt các thể chế, cơ chế, chính sách, nên đến nay nhiều đánh giá chung về tái cơ cấu DNNN (như Diễn đàn kinh tế mùa thu 9/2013) là chưa thể hiện rõ kết quả trong thực tế, trong tiến trình thực hiện cũng như hiệu quả và tác động đem lại kể từ sau khi Quyết định 929/QĐ-TTg được ban hành, chưa có sự thay đổi đáng kể về xu hướng cơ bản của nền kinh tế từ năm 2007 đến nay do sự tác động ảnh hưởng từ tái cơ cấu DNNN. Ủy ban kinh tế của Quốc hội cũng đã có báo cáo, nhận định tái cơ cấu DNNN diễn ra chậm khi cả năm 2013 mới tiến hành được 25 doanh nghiệp. Việc triển khai thực hiện tái cơ cấu DNNN chưa có tính chiến lược, còn rời rạc, chủ yếu là chuyển giao nội bộ tập đoàn, tổng công ty hoặc giữa các DNNN, chưa tạo ra động lực và áp lực để buộc các DNNN đẩy nhanh quá trình tái cấu trúc doanh nghiệp¹.

Điều này dẫn đến việc cần thiết xem xét lại cách thức thực hiện hoặc lộ trình thực hiện phù hợp hơn, do sức mạnh và vai trò của DNNN còn rất lớn, các vấn đề sản xuất kinh doanh và tồn đọng về tài chính, hiệu quả của DNNN là khó thay đổi được trong thời gian ngắn.

- Sức mạnh kinh tế của DNNN trong những năm qua vẫn trong chiều hướng tăng lên. Năm 2011, số liệu báo cáo hợp nhất về tổng tài sản của các tập đoàn, tổng công ty là 2.093.907 tỷ đồng, tăng 16% so với thực hiện năm 2010. Tổng vốn chủ sở hữu năm 2011 là 727.277 tỷ đồng, tăng 61.738 tỷ đồng (tương đương với 9,3%) so với năm 2010.

Năm 2011, doanh thu theo báo cáo hợp nhất của tập đoàn, tổng công ty là 1.577.311 tỷ đồng, tăng 25,1% so với năm 2010. Riêng Công ty mẹ năm 2011, doanh thu đạt 779.059 tỷ đồng, tăng 25% so với thực hiện năm 2010. Tỷ lệ doanh thu/tổng tài sản bình quân là 0,75 lần, và doanh thu/vốn chủ sở hữu bình quân là 2,16 lần.

Nhiều tập đoàn, tổng công ty có tốc độ tăng doanh thu cao so với năm 2010 như Tổng công ty Becamex Bình Dương (tăng 49%); Tổng công ty Cà phê Việt Nam (46%); Tập đoàn Cao su Việt Nam (42%), Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (39%); Tổng công ty Thép Việt Nam (32%); Tập đoàn Viễn thông quân đội (27%); Tập đoàn Hoá chất Việt Nam (24%).

¹ “Đề xuất một số giải pháp đẩy nhanh tái cơ cấu nền kinh tế”, Trang tin điện tử Quốc hội 10/2013

Những tập đoàn, tổng công ty có mức doanh thu lớn là: Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam; Tập đoàn Điện lực Việt Nam; Tập đoàn Viễn thông quân đội; Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam; Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam; Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam; Tập đoàn Cao su Việt Nam.

Hiện nay DNNN hiện nay mặc dù chỉ chiếm khoảng 1% tổng số doanh nghiệp của các thành phần kinh tế, nhưng là lực lượng nòng cốt cung cấp các sản phẩm, dịch vụ quan trọng như: 85% sản lượng điện, xăng dầu; 90% dịch vụ viễn thông; 98% vận tải hàng không nội địa; 56% dịch vụ tài chính, tín dụng; 70% lượng gạo xuất khẩu;... đóng góp trên 30% tổng thu ngân sách nhà nước và 33% tăng trưởng kinh tế².

Các DNNN, mà chủ lực là các tập đoàn, tổng công ty đang được giao đảm nhiệm nhiều nhiệm vụ quan trọng:

+ Thực hiện nhiệm vụ trong việc giữ chi phối, bảo đảm việc sản xuất, cung ứng các sản phẩm, hàng hoá và dịch vụ thiết yếu của nền kinh tế đối với một số lĩnh vực như: khai thác và cung cấp than cho cả nước; cung ứng nhu cầu tiêu thụ điện của toàn xã hội; kinh doanh xăng dầu phục vụ tiêu dùng; sản xuất xi măng; sản xuất và cung ứng nhu cầu thép; thực hiện thu mua lúa, gạo, cà phê cho người nông dân...

+ Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ giao đầu tư những dự án trọng điểm, quan trọng phục vụ chiến lược phát triển kinh tế xã hội dài hạn của đất nước, những dự án lớn hoặc hiệu quả về kinh tế thấp nhưng ý nghĩa chính trị và hiệu quả về xã hội lại rất lớn mà các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác không làm hoặc không có đủ khả năng làm, đặc biệt những dự án có ý nghĩa quan trọng trong thiết lập hạ tầng nền kinh tế, trong việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng miền theo hướng công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước như Nhà máy lọc dầu Dung Quất, Khu kinh tế Nghi Sơn, Khu kinh tế Vũng Áng, Cụm khí điện đạm Cà Mau, Thủy điện Sơn La.

+ DNNN thực hiện nhiệm vụ công ích ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn đã hỗ trợ các địa phương nghèo, bảo đảm an sinh xã hội. Nhiều tập đoàn, tổng công ty cũng chú trọng đầu tư các dự án phát triển cơ sở hạ tầng, hỗ trợ các địa phương đẩy nhanh việc thực hiện xóa đói giảm nghèo.

Tương ứng hoạt động theo nhiệm vụ nêu trên, đến hết năm 2011, Việt Nam còn 1.060 DNNN 100% vốn nhà nước, trong đó có 452 DN hoạt động trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, công ích, 608 DN hoạt động kinh doanh, tập trung vào 19 ngành, lĩnh vực kinh doanh chính. Trong tổng số doanh nghiệp đã cổ phần hóa là 3.976 DN, Nhà nước còn giữ cổ phần chi phối ở 1.217 DN hoạt động trong những ngành, lĩnh vực quan trọng.

² Tờ trình Dự thảo Luật đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước tại doanh nghiệp của Bộ Tài chính, 7/2013

Như vậy, sự phát triển và tác động của DNNN vẫn ảnh hưởng và duy trì ở mức độ rất quan trọng trong nền kinh tế xã hội.

- Tái cơ cấu về ngành nghề lĩnh vực kinh doanh được khẳng định mạnh mẽ, hành động được thể hiện khá quyết liệt, tuy nhiên do nhiều lý do kết quả và tác động đến kinh tế xã hội chưa thực rõ.

Trong những năm trước đây, các tập đoàn, tổng công ty đã sử dụng các nguồn vốn của tập đoàn, tổng công ty để đầu tư vào các lĩnh vực chứng khoán, quỹ đầu tư, bảo hiểm, ngân hàng, bất động sản. Tổng giá trị các khoản đầu tư vào chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản, quỹ đầu tư, ngân hàng tính đến cuối các năm là: năm 2006 đầu tư đến 6.114 tỷ đồng, năm 2007 tăng lên thành 14.441 tỷ đồng, năm 2008 là 19.840 tỷ đồng, năm 2009 là 14.991 tỷ đồng, năm 2010 là 21.814 tỷ đồng.

Tính đến 31/12/2011, các công ty mẹ của tập đoàn, tổng công ty đã đầu tư vào các lĩnh vực này là 23.744 tỷ đồng, tăng 3.056 tỷ đồng (15%) so với năm 2010. Trong đó, đầu tư vào chứng khoán 696 tỷ đồng (giảm 14 tỷ đồng); đầu tư vào quỹ đầu tư 675 tỷ đồng (tăng 12 tỷ đồng); đầu tư vào bảo hiểm là 1.682 tỷ đồng (tăng 31 tỷ đồng); đầu tư vào ngân hàng là 11.403 tỷ đồng (tăng 187 tỷ đồng); đầu tư vào bất động sản chiếm tỷ trọng cao nhất, là 9.286 tỷ đồng (tăng 2.840 tỷ đồng).

Giá trị tăng thêm trong năm 2011 nêu trên chủ yếu do tăng vốn điều lệ ở doanh nghiệp góp vốn theo hình thức: chia cổ tức bằng cổ phiếu, thưởng cổ phiếu và cho các cổ đông hiện hữu quyền mua cổ phần phát hành thêm, nên cơ bản giá trị đầu tư tăng về lượng nhưng tỷ lệ vốn góp không thay đổi³.

Theo Quyết định số 929/QĐ-TTg, việc thoái vốn ở những lĩnh vực nêu trên cần phải hoàn thành trước ngày 31/12/2015. Đây có lẽ cũng là một trong những thách thức không nhỏ khi mà tình hình thị trường tài chính, chứng khoán, bất động sản đến nay vẫn chưa được cải thiện. Một lộ trình rõ ràng cơ cấu lại các khoản đầu tư này của DNNN là rất khó khăn trong điều kiện yêu cầu và đòi hỏi của chủ sở hữu nhà nước là phải đảm bảo hiệu quả. Đó là chưa kể, nhiều quy định liên quan đến dự án đầu tư, quyền sử dụng đất,... vẫn có những vướng mắc pháp lý không dễ xử lý. Các quy định hiện hành để thực hiện thoái vốn nằm phân tán ở nhiều văn bản pháp luật khác nhau; nội dung chưa bao quát hết sự đa dạng của các loại vốn và tài sản cần thoái và không còn phù hợp với điều kiện thị trường. Như Nghị định 71/2013/NĐ-CP quy định việc bảo toàn và phát triển vốn tại doanh nghiệp được thực hiện đúng chế độ sử dụng vốn, tài sản và phân phối lợi nhuận, chế độ quản lý tài chính khác và chế độ kế toán theo quy định của pháp luật, bảo toàn vốn chủ sở hữu tại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật. Thông tư 117/2010/TT-BTC

³ Báo cáo số 336/BC-CP ngày 16/11/2012 của Bộ Tài chính

quy định việc thoái vốn các khoản đầu tư tài chính ngoài ngành phải thực hiện theo nguyên tắc công khai, minh bạch, bảo toàn vốn và không được thấp hơn giá thị trường hoặc không thấp hơn giá trên sổ sách kế toán của đơn vị có vốn góp.

Đây là lý do mà lãnh đạo của nhiều tập đoàn, tổng công ty cho rằng, nếu không giải quyết kịp thời các vướng mắc nói trên, thì việc thoái vốn khó hoàn thành trước năm 2015.

Bên cạnh đó, hiện trạng các DNNN đến nay cho thấy chưa có những sự thay đổi đáng ghi nhận có được do việc tái cơ cấu DNNN so với thời điểm ban hành Quyết định 929/QĐ-TTg. Nhiều lĩnh vực mà các thành phần kinh tế khác có thể thực hiện được nhưng vẫn còn vốn đầu tư của DNNN, chưa khắc phục được sự dàn trải vốn nhà nước. Hơn nữa, trong một số ngành, lĩnh vực DNNN và doanh nghiệp có vốn nhà nước vẫn giữ thị phần lớn nhưng hiệu quả không cao bằng khu vực tư nhân. Một số lĩnh vực kinh tế tư nhân không tham gia nhưng DNNN cũng chưa làm hoặc làm chưa hiệu quả nên đã bị chi phối bởi sản phẩm, hàng hoá từ nước ngoài (như sản xuất giống cây trồng, vật nuôi).

- Tình trạng thiếu hụt vốn chủ sở hữu, thua lỗ chưa được điều chỉnh rõ nét. Xét tổng thể, các tập đoàn, tổng công ty đều duy trì và phát triển được vốn chủ sở hữu, hệ số bảo toàn vốn bình quân là 1,14 lần. Tuy nhiên, có tổng công ty không bảo toàn được vốn chủ sở hữu do kinh doanh thua lỗ, gặp nhiều rủi ro, không tự chủ được về tài chính như: Tổng công ty Dầu tầm tơ, vốn chủ sở hữu âm (-) 281 tỷ đồng; Tổng công ty Xây dựng đường thủy, vốn chủ sở hữu âm (-) 604 tỷ đồng. Các tổng công ty này khó khăn từ rất lâu nhưng đến nay chưa khắc phục được.

Một số tập đoàn, tổng công ty có tỷ lệ vốn chủ sở hữu/tổng nguồn vốn thấp như: Tổng công ty Đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam là 2% (Công ty mẹ 2%); Tổng công ty XDCTGT1 là 4% (Công ty mẹ 8%); Tổng công ty Hàng hải Việt Nam là 5,9% (Công ty mẹ 41%); Tập đoàn Sông Đà là 8% (Công ty mẹ 31,2%); Tổng công ty XDCTGT8 là 6% (Công ty mẹ 11%); Tổng công ty Thành An –BQP là 8% (Công ty mẹ 8%); Tổng công ty Xây dựng số 1 là 8% (Công ty mẹ 8%); Tổng công ty Thái Sơn –BQP là 9% (Công ty mẹ 9%).

- Hiệu quả kinh doanh của các tập đoàn, tổng công ty còn hạn chế, chưa cải thiện được đáng kể: Năm 2011, báo cáo hợp nhất của các tập đoàn, tổng công ty có lợi nhuận trước thuế là 135.111 tỷ đồng, tăng 12% so với năm 2010, tỷ suất lợi nhuận/vốn chủ sở hữu của các tập đoàn, tổng công ty chỉ ở mức là 18,57%, cao hơn so năm 2010 là 16,5%,. Mặc dù có chiều hướng tăng, nhưng nếu so sánh với chi phí vay vốn trung bình của các tổ chức tín dụng trong cùng năm thì cũng ở mức tương đương. Theo thống kê của Ngân hàng thế giới (WB), từ năm 2007 - 2009, so sánh về lợi nhuận thì con số 17% mà các DNNN công bố tương như cao, nhưng vẫn thấp hơn mức tăng trưởng danh nghĩa của nền kinh tế (19%) cũng như khu vực doanh nghiệp nước ngoài (27%). Trong khi đó, 80% tổng số lợi nhuận trước thuế

tập trung tại một số ít các tập đoàn: Dầu khí (53.833 tỷ đồng), Viễn thông Quân đội (19.793 tỷ đồng), Bru chính Viễn thông (8.646 tỷ đồng), Than khoáng sản Việt Nam (8.632 tỷ đồng), Công nghiệp Cao su (11.773 tỷ đồng).

Trong khi lợi nhuận tập trung vào một số tập đoàn, tổng công ty, thì nhiều DNNN khác lại rơi vào tình trạng nợ cao, kết quả sản xuất kinh doanh thấp, mất vốn. Cũng theo số liệu của Bộ Tài chính, mức lỗ bình quân của các DNNN cao gấp 12 lần khu vực ngoài quốc doanh, tổng lỗ lũy kế của các tập đoàn, tổng công ty đến hết năm 2011 là 26.100 tỷ đồng. Năm 2011, 05 tập đoàn, tổng công ty có lỗ hợp nhất là 5.823 tỷ đồng, bao gồm: Tập đoàn Điện lực Việt Nam lỗ hợp nhất 2.589 tỷ đồng (chưa bao gồm lỗ chênh lệch tỷ giá 11.208 tỷ đồng); Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam lỗ hợp nhất 2.390 tỷ đồng; Tổng công ty Hàng hải Việt Nam lỗ hợp nhất 791 tỷ đồng; Tổng công ty Xây dựng đường thủy lỗ hợp nhất 66 tỷ đồng; Tổng công ty Xăng dầu quân đội lỗ hợp nhất 17 tỷ đồng.

Lỗ lũy kế theo báo cáo hợp nhất của 13 tập đoàn, tổng công ty đến 31/12/2011 là 48.988 tỷ đồng, trong đó lớn nhất là Tập đoàn Điện lực Việt Nam số lỗ lũy kế là 38.104 tỷ đồng (lỗ do sản xuất kinh doanh điện 11.437 tỷ đồng; lỗ do chênh lệch tỷ giá 26.667 tỷ đồng); Tổng công ty Hàng hải Việt Nam 5.738 tỷ đồng; Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam 2.390 tỷ đồng; Tổng công ty Xăng dầu quân đội 566 tỷ đồng; Tập đoàn Sông Đà 625 tỷ đồng; Tổng công ty Dầu tầm tơ 321 tỷ đồng; Tổng công ty Cà phê Việt Nam 209 tỷ đồng; Tổng công ty Trường Sơn 66 tỷ đồng; Tổng công ty Xây dựng đường thủy 871 tỷ đồng; Tổng công ty XDCTGT1: 35 tỷ đồng; Tổng công ty Chè Việt Nam 27 tỷ đồng; Tổng công ty XDCTGT6: 27 tỷ đồng; Tổng công ty Văn hoá Sài Gòn 3,4 tỷ đồng.

Qua tình hình trên cho thấy, hoạt động sản xuất kinh doanh của các tập đoàn, tổng công ty gặp nhiều khó khăn, phải đối mặt với nhiều rủi ro về tài chính như chi phí lãi vay cao (số vốn vay là rất lớn), thị trường chưa hồi phục, chi phí quản lý và lao động cao.

- Tái cơ cấu nợ của DNNN là vấn đề không dễ giải quyết trong thời gian ngắn. Năm 2011, số liệu báo cáo hợp nhất về tổng nợ phải thu của tập đoàn, tổng công ty là 296.541 tỷ đồng (bằng 14,1% tổng tài sản), tăng 13,8% so với năm 2010, trong đó nợ phải thu khó đòi là 3.753 tỷ đồng, chiếm 1,26% so với tổng nợ phải thu. Năm 2011, tổng số nợ phải trả của tập đoàn, tổng công ty là 1.292.400 tỷ đồng, tăng 18,9% so với năm 2010. Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu bình quân năm 2011 là 1,77 lần (năm 2006 là 1,32 lần, năm 2010 là 1,65 lần). Xét từng tập đoàn, tổng công ty, có 30 tập đoàn, tổng công ty có tỷ lệ nợ phải trả/vốn chủ sở hữu lớn hơn 3 lần. Trong đó: có 08 tập đoàn, tổng công ty trên 10 lần; có 10 tập đoàn, tổng công ty trên từ 5 - 10 lần; có 12 tập đoàn, tổng công ty từ 3 - 5 lần.

Tính riêng đối với các công ty mẹ, nợ phải thu khó đòi là 1.873 tỷ đồng, tăng 25% so với năm 2010. Có những công ty mẹ, nợ phải thu khó đòi trong số tuyệt

đổi không lớn nhưng tỷ lệ phải thu khó đòi/tổng nợ phải thu đang ở mức rất cao, đó là: công ty mẹ Tổng công ty Công nghiệp ô tô Việt Nam (nợ phải thu khó đòi là 44,391 tỷ đồng; chiếm 74% tổng nợ phải thu); công ty mẹ - Tổng công ty XDCTGT6 (108,650 tỷ đồng; chiếm 36%); công ty mẹ - Tổng công ty Thương mại Sài Gòn (173,470 tỷ đồng; chiếm 32%); công ty mẹ - Tổng công ty Rau quả nông sản (30 tỷ đồng; chiếm 27%).

Số nợ phải thu khó đòi và tỷ lệ nợ phải thu khó đòi/tổng số nợ phải thu hoặc trên tổng tài sản ở mức cao tập trung chủ yếu ở những ngành xây dựng, thương mại dịch vụ.

Về nợ phải trả, nhiều tập đoàn, tổng công ty huy động quá nhiều vốn để thực hiện đầu tư, đa dạng hoá ngành nghề kinh doanh, thành lập nhiều công ty con, công ty liên kết hoạt động trong nhiều lĩnh vực, ngành nghề. Tính đến tháng 9/2011 dư nợ vay ngân hàng của DNNN lớn đạt trên 415.000 tỷ đồng, tương đương gần 17% tổng dư nợ tín dụng tại các ngân hàng. Trong đó, nợ vay của 12 tập đoàn kinh tế nhà nước lên tới gần 218.740 tỷ đồng.

Báo cáo của Bộ Tài chính cũng cho biết 30 trên tổng số 85 tập đoàn, tổng công ty nêu trên đang có tỷ lệ nợ cao hơn 3 lần vốn chủ sở hữu. Cá biệt, có 7 trường hợp đang có hệ số nợ cao hơn 10 lần, bao gồm Tổng công ty Xây dựng công nghiệp, Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1, 5 và 8, Tổng công ty Xăng dầu quân đội, Tổng công ty Thành An, Tổng công ty Phát triển đường cao tốc.

Hệ số khả năng thanh toán tổng quát (tổng tài sản/tổng nợ phải trả) theo số liệu báo cáo hợp nhất bình quân năm 2011 là 1,62 lần, điều đó cho thấy các tập đoàn, tổng công ty đang hoạt động phụ thuộc phần lớn vào nguồn vốn vay, dẫn đến chi phí tài chính lớn và khả năng thanh toán nợ đến hạn thấp. Một số tập đoàn, tổng công ty đang có nợ quá hạn như: Tập đoàn Điện lực Việt Nam, nợ quá hạn 10.149 tỷ đồng (Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo thực hiện khoan nợ khoản tiền mua điện của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam); Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, nợ quá hạn 1.731 tỷ đồng (nợ của Công ty TNHH một thành viên Công nghiệp tàu thủy Dung Quất - nhận bàn giao từ Vinashin); Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam, nợ quá hạn là 467 tỷ đồng; Tổng công ty XDCTGT6, nợ quá hạn là 128 tỷ đồng; Tổng công ty Rau quả nông sản, nợ quá hạn 30 tỷ đồng.

Có 18 công ty mẹ, tỷ lệ nợ phải trả/vốn chủ sở hữu lớn hơn 3 lần. Trong đó: Có 05 công ty mẹ trên 10 lần; Có 05 công ty mẹ trên từ 5 - 10 lần; Có 08 công ty mẹ từ 3 - 5 lần⁴.

Trong khi thực trạng nợ và nợ xấu của các DNNN vẫn ở mức khá cao, thì giải pháp xử lý, cơ cấu lại nợ chưa thực sự mạnh mẽ. Một trong những giải pháp

⁴ Báo cáo số 336/BC-CP ngày 16/11/2012 của Bộ Tài chính

quan trọng nhất là bán nợ cho các tổ chức có chức năng mua - bán nợ chuyên nghiệp. Nhưng hiện nay, mới chỉ có Công ty Mua bán nợ Việt Nam (DATC) của Bộ Tài chính đang thực hiện nghiệp vụ này. Tuy DATC có đáng đáp của một tổ chức/công cụ của Nhà nước xử lý nợ quốc gia, nhưng DATC lại thiếu những chế tài đặc thù để có thể hoạt động hiệu quả. Trong đó, việc còn thiếu cơ chế hình thành và sử dụng quỹ tài chính đủ lớn để xử lý nợ xấu và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp tái cơ cấu có lẽ là điều cần được khắc phục đầu tiên ở thời điểm hiện tại. Khối lượng nợ của các DNNN rất lớn, nhưng trong năm 2012 DATC đã mua bán nợ và xử lý tài chính, tái cơ cấu thành công được 9 doanh nghiệp; trong đó, mua nợ, xử lý tài chính, tái cơ cấu chuyển đổi thành công được 5 DNNN thành công ty cổ phần và tái cơ cấu lại được 4 công ty cổ phần (từ cổ phần hóa DNNN). Mặc dù kết quả còn khiêm tốn, nhưng đây là một kết quả rất tốt, đặt trong bối cảnh năm 2012, cả nước sắp xếp được 21 doanh nghiệp, trong đó cổ phần hóa được 13 DNNN.

Kế hoạch năm 2013, DATC dự kiến tổng doanh thu năm 2013 phần đầu đạt khoảng 500 – 550 tỷ đồng; trong đó, doanh thu từ hoạt động mua bán nợ phần đầu đạt khoảng 270 tỷ đồng; doanh thu từ hoạt động tài chính và doanh thu khác phần đầu đạt khoảng 220 - 230 tỷ đồng, trong đó, thoái vốn đầu tư khoảng 100 tỷ đồng; doanh thu từ xử lý tài sản và thu hồi nợ loại trừ đã tiếp nhận phần đầu đạt khoảng 10 tỷ đồng; lợi nhuận trước thuế năm 2013 không thấp hơn năm 2012⁵.

Với mục tiêu xử lý dứt điểm nợ khu vực DNNN vào năm 2015 đã được Chính phủ đề ra, thì DATC có vai trò hết sức quan trọng, nhưng thực sự là nhiệm vụ vượt quá khả năng của DATC nếu so với thực trạng vốn vay và nợ hiện nay của DNNN.

- Hoạt động được các tập đoàn, tổng công ty triển khai nhiều hơn là tái cơ cấu theo hình thức sáp nhập, chuyển giao doanh nghiệp.

Tuy nhiên, thực tế việc sáp nhập, chuyển giao phần lớn không căn cứ theo mục tiêu, định hướng tái cơ cấu để điều chỉnh ngành nghề lĩnh vực kinh doanh, hoặc cắt lỗ, cắt giảm chi phí, cải thiện hiệu quả sản xuất kinh doanh. Chủ yếu lại là các trường hợp doanh nghiệp bị sáp nhập, chuyển giao có tình trạng tài chính xấu, lỗ và âm vốn chủ sở hữu, buộc phải có sự hỗ trợ của doanh nghiệp nhận sáp nhập, chuyển giao. Do vậy, quá trình này cũng diễn ra chưa đem lại tác động, thay đổi đáng kể, thậm chí còn là sự chuyển giao khó khăn cho nhau. Như trường hợp chuyển giao các doanh nghiệp, dự án của Tập đoàn công nghiệp tàu thủy Việt Nam (Vinashin) về Tổng công ty hàng hải Việt Nam (Vinalines) và Tập đoàn dầu khí quốc gia Việt Nam (PVN); chuyển giao Công ty viễn thông điện lực (EVN Telecom) thuộc Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN) sang Tập đoàn viễn thông

⁵ “Tiếp sức tái cơ cấu doanh nghiệp”, Tạp chí Tài chính doanh nghiệp, 01/2013; “Xử lý nợ, tái cơ cấu doanh nghiệp: Nhìn từ thực tiễn Công ty Mua bán nợ Việt Nam”, Tạp chí Tài chính, 04/2013

quân đội (Viettel). Nguyên tắc của việc sáp nhập, chuyển giao là nguyên trạng và cùng ngành nghề nên ngoài việc tiếp nhận toàn bộ tài sản, nguồn lực thì các đơn vị tiếp nhận còn gánh cả khoản nợ nần, thua lỗ của các công ty được chuyển giao. Ngoài ra, cũng có nhiều đề xuất chuyển giao, sáp nhập công ty/nhà máy xi măng (do thua lỗ, thiếu thị trường, không có khả năng trả nợ vay), công ty là lâm nông trường, công ty sản xuất xăng sinh học (do thua lỗ, khó có khả năng trả nợ vay đầu tư),...

(3) Những thay đổi về thể chế và hỗ trợ thực hiện

- Các thể chế, cơ chế, chính sách cần xây dựng, điều chỉnh, đã được đặt ra khá cụ thể. Các cơ quan quản lý đã dành nhiều công sức triển khai thực hiện, tuy nhiên, tiến độ còn chậm do phải theo quy trình đã quy định, việc triển khai chưa tạo ra sự chuyển biến cụ thể trên từng nội dung.

Do vậy, trong quá trình xây dựng cũng như triển khai đề án, nhiều tập đoàn, tổng công ty cũng như các bộ, ngành và địa phương vẫn còn lúng túng khi áp dụng các quy định, cơ chế chính sách liên quan. Trọng tâm nhất là vấn đề cổ phần hoá, nhưng khi thực hiện theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần đã gặp một số vướng mắc về mặt cơ chế, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện. Cụ thể như vấn đề về tổ chức Kiểm toán nhà nước xác định lại giá trị doanh nghiệp, nhiều trường hợp khó đảm bảo theo đúng thời hạn quy định, dẫn tới kéo dài thêm thời gian thực hiện; vấn đề xác định giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị doanh nghiệp phụ thuộc vào khả năng xử lý nhà, đất và áp giá của chính quyền địa phương; vấn đề đối chiếu toàn bộ công nợ khi xác định giá trị doanh nghiệp trong điều kiện khối lượng giao dịch của các doanh nghiệp (cả công ty mẹ và các công ty con) là rất lớn; vấn đề chuyển giao các đơn vị sự nghiệp không còn cần thiết trong dây chuyền sản xuất kinh doanh của tập đoàn, tổng công ty; vấn đề chuyển đổi chủ nợ đối với các khoản vay, chuyển đổi chủ đầu tư dự án;...

- Trong hàng loạt khó khăn trong thực hiện tái cơ cấu DNNN, không thể không nhắc tới nguồn vốn để thực hiện, nhất là các vấn đề tái cơ cấu nợ, giải quyết lao động dôi dư. Như Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (Vinacomin) có đội ngũ lao động 140.000 người, dự kiến thực hiện tái cơ cấu, sẽ dôi dư ít nhất 40.000 người⁶.

Nhìn chung, quá trình tái cơ cấu DNNN có thể khái quát: *Thứ nhất*, góc độ định chế, thực hiện khá nhanh việc tách, nhập, giải thể, thành lập mới các tổng công ty; trong khi đó, các thể chế và thiết chế chưa được hoàn thiện đồng bộ, nhất là hệ thống văn bản quy phạm pháp luật để điều chỉnh hoạt động của các doanh nghiệp và chế tài quy định trách nhiệm của đội ngũ cán bộ quản lý, điều hành các

⁶ “Chọn 2 -3 tập đoàn để tái cơ cấu điểm”, Đầu tư chứng khoán, 11/2013

cấp trong doanh nghiệp. *Thứ hai*, thiết chế quy định nội bộ, như: điều lệ, quy chế, nội quy và quy trình quy phạm kỹ thuật để quản lý, điều hành doanh nghiệp chưa rõ ràng, minh bạch. *Thứ ba*, trong quá trình tái cơ cấu hoạt động và phát triển, nhiều doanh nghiệp có năng lực còn chưa cao, bị hạn chế nhiều vấn đề có tính quá trình như lao động, công nghệ, thị trường, ... nên chưa có những thay đổi, điều chỉnh rõ nét về định hướng hoạt động và hiệu quả kinh doanh, về sức cạnh tranh...

Một số đề xuất, trao đổi

Đến thời điểm hiện nay (cuối năm 2013), một số nội dung tái cơ cấu DNNN, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2011 – 2015 đã được các Bộ ngành, địa phương và doanh nghiệp tích cực thực hiện. Đã thể hiện ra được hướng đi, các vấn đề và cách thức thực hiện. Đồng thời, cũng đã cho thấy khối lượng rất lớn các vấn đề phải xử lý, có tính phức tạp cao, liên quan nhiều đến các vấn đề khác của nền kinh tế xã hội, đòi hỏi có sự cân nhắc kỹ lưỡng. Bên cạnh đó, cũng còn một số nội dung mới đang bước đầu triển khai, như việc tái cơ cấu theo ngành, lĩnh vực không phân biệt cấp cơ quan quản lý (thời hạn trong quý III năm 2012); tái cơ cấu toàn diện tập đoàn, tổng công ty trong nội dung về xây dựng chiến lược phát triển đến năm 2015, tầm nhìn đến 2020, xây dựng phương án tài chính để triển khai nhiệm vụ chính được giao và xử lý các tồn tại về tài chính (thời hạn trong Quý III năm 2012);...

Để thực hiện tốt Đề án tái cơ cấu DNNN tạo bước đột phá, biến đổi về chất, mang lại hiệu quả cao đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của DNNN, có thể xem xét những giải pháp sau đây:

- Việc tái cơ cấu DNNN, nhất là tập đoàn, tổng công ty phải đồng thời xử lý hàng loạt vấn đề, đòi hỏi phải có nguồn lực hỗ trợ. Thêm nữa việc tái cơ cấu diễn ra cùng một lúc, có thể tác động không tốt đến kinh tế, xã hội, gây thiệt hại cho doanh nghiệp, cho Nhà nước. Việc tái cơ cấu cũng phải xuất phát từ mục tiêu cụ thể của từng DNNN, không thể đi theo một kế hoạch đề ra chung.

Do vậy, nên chọn một vài tập đoàn, tổng công ty để tập trung thực hiện và hỗ trợ tái cơ cấu theo từng tình huống cụ thể của doanh nghiệp, từ đó làm cơ sở hoàn thiện các cơ chế, giải pháp cho hoạt động tái cơ cấu DNNN trên diện rộng.

- Cần đặt lộ trình tái cơ cấu DNNN, các tập đoàn, tổng công ty trong mối quan hệ khách quan giữa doanh nghiệp – là pháp nhân kinh doanh vì lợi nhuận với thị trường và các vấn đề xã hội, trong mối quan hệ lợi ích giữa doanh nghiệp là chủ thể kinh doanh độc lập và Nhà nước là chủ sở hữu đầu tư. Để từ đó, nhận thức rõ hơn tính quá trình, tính cụ thể riêng của việc tái cơ cấu từng doanh nghiệp, tập đoàn, tổng công ty. Qua đó, nên thực hiện phân loại, xác định danh mục ngành nghề kinh doanh chính của DNNN để công bố công khai danh sách doanh nghiệp phải cổ phần hóa, thoái vốn. Nhưng thời điểm quyết định và cách thức thực hiện có

thể linh hoạt, theo tình huống cụ thể và phù hợp lợi ích doanh nghiệp, Nhà nước và xã hội để đảm bảo hiệu quả chung.

- Cần có chính sách, quy định pháp lý phù hợp trong việc chuyển nhượng dự án, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bán tài sản,... để tái cơ cấu lại doanh nghiệp. Không nhất thiết phải theo con đường duy nhất là cổ phần hóa.

- Cần quy định buộc các DNNN, tập đoàn, tổng công ty phải công bố thông tin kịp thời như các doanh nghiệp niêm yết với các nội dung như: báo cáo tài chính hợp nhất nửa năm và hàng năm đã kiểm toán, quyết định, nghị quyết của các chủ sở hữu, của hội đồng quản trị, danh mục các dự án đầu tư và tiến độ dự án đang triển khai, các giao dịch lớn, khoản vay lớn...

Ngoài ra, do tính chất sở hữu là của Nhà nước, nên thông tin công bố phải theo chuẩn mực cao hơn, thông tin đầy đủ hơn như thông tin về tiền lương, thưởng, thông tin về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp, ...

- Sửa đổi, bổ sung Nghị định 59/2011/ NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển DN 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần để tạo điều kiện cho DN đẩy nhanh việc cổ phần hoá với nội dung cần bổ sung sửa đổi là:

+ Xem xét điều chỉnh quy định về phương pháp tính giá trị và trách nhiệm của DN, của đơn vị tư vấn cổ phần hóa. Nên bổ sung chế tài chặt chẽ, hoặc có thêm sự giám sát, đánh giá việc xác định giá trị doanh nghiệp và thực hiện cổ phần hóa, hơn là bổ sung thêm việc kiểm toán, vừa không rõ trách nhiệm, vừa kéo dài thêm thời gian cổ phần hóa

- Xác định giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị doanh nghiệp: Để khắc phục triệt để những vướng mắc khi xác định giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị doanh nghiệp thì cơ chế quản lý đất đai đối với các DNNN cổ phần hoá nên điều chỉnh theo hướng quy định về nguyên tắc, tất cả diện tích đất doanh nghiệp cổ phần hoá đang quản lý và sử dụng phải chuyển sang thực hiện ký hợp đồng thuê đất có thời hạn với cơ quan có thẩm quyền, trừ những trường hợp đặc biệt thì có cơ chế xử lý cụ thể. Qua đó, khắc phục bất cập trong quá trình xác định giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị doanh nghiệp trong thời gian qua để đẩy nhanh tiến trình cổ phần hoá, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để Nhà nước triển khai thực hiện các quy hoạch, sử dụng quỹ đất có hiệu quả, tránh thất thoát.

- Việc quy định tổ chức đấu thầu chọn tổ chức tư vấn định giá: Để tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện cho doanh nghiệp đẩy nhanh quá trình cổ phần hoá, đề nghị sửa đổi việc quy định tổ chức đấu thầu theo quy định tại Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ, hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu. Cụ thể: Đối với các gói thầu tư vấn định giá có giá trị không quá 3 tỷ đồng và không có từ 02 tổ chức tư vấn định giá đăng ký tham gia cung cấp dịch vụ tư vấn định giá trở lên thì cơ quan có thẩm quyền quyết định phương án cổ phần hóa,

quyết định chỉ định thầu lựa chọn tổ chức tư vấn định giá. Trường hợp gói thầu có giá trị không quá 3 tỷ đồng nhưng xét thấy cần phải tổ chức đấu thầu thì thực hiện đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu; Đối với các gói thầu có giá trị từ 3 tỷ đồng trở lên, doanh nghiệp cổ phần hóa phải tổ chức đấu thầu theo quy định. Cơ quan có thẩm quyền quyết định phương án cổ phần hóa tiến hành lựa chọn tổ chức tư vấn định giá trên cơ sở kết quả đấu thầu.

Đồng thời bổ sung chế tài kiểm tra, thanh tra (lựa chọn điểm) việc tư vấn định giá, kèm theo các biện pháp xử lý phù hợp.

- Đối với các đơn vị sự nghiệp trong tập đoàn, tổng công ty: Khi cổ phần hoá DNNN với sức ép của chỉ tiêu cổ tức, sắp xếp lại lao động, các tập đoàn, tổng công ty chỉ muốn để lại một số đơn vị sự nghiệp thật sự cần thiết cho mình sau này, trong khi hiện có rất nhiều đơn vị sự nghiệp tại các tập đoàn, tổng công ty. Để giải quyết vấn đề này, cần có cơ chế cho phép các tập đoàn, tổng công ty được lựa chọn các đơn vị sự nghiệp cần cho hoạt động của công ty cổ phần sau này, tính trong phương án cổ phần hoá. Các đơn vị sự nghiệp còn lại được bàn giao về cho bộ quản lý ngành để sắp xếp lại theo quy định hiện hành, như chuyển các viện nghiên cứu thành các doanh nghiệp khoa học công nghệ, các viện, trường thành các đơn vị sự nghiệp có thu, Nhà nước có thể hỗ trợ một phần kinh phí.

- Nguồn lực hỗ trợ để thực hiện tái cơ cấu là rất cần thiết. Trong điều kiện hạn chế từ Nhà nước (với vai trò là chủ sở hữu), cần khẩn trương xây dựng cơ chế cụ thể để các doanh nghiệp khi tái cơ cấu có thể sử dụng nguồn lực từ chính doanh nghiệp để xử lý vấn đề phát sinh. Thí dụ chi phí cho lao động dôi dư được trích từ các quỹ của doanh nghiệp, cơ chế chuyển hoặc bán khoản nợ đọng khó thu hồi và có sự bù đắp thiếu hụt từ các quỹ của doanh nghiệp hoặc xác định là lỗ kinh doanh để bù trừ với các khoản thu nhập khác, cơ chế chuyển giao hoặc bán dự án đầu tư vượt quá khả năng đầu tư và quản lý của doanh nghiệp hoặc không đem lại hiệu quả kinh tế,... Đồng thời thúc đẩy và tạo cơ chế hợp lý để doanh nghiệp có thể tiếp cận các nguồn vốn tín dụng hỗ trợ cho việc tái cơ cấu nợ, thực hiện các dự án đầu tư ứng dụng công nghệ mới, phục vụ cho các ngành nghề kinh doanh chính của các tập đoàn, tổng công ty.

- Có cơ chế tạo điều kiện cho các tập đoàn, tổng công ty được chuyển chủ nợ khi thực hiện sáp nhập, chia tách doanh nghiệp theo Đề án tái cơ cấu. Các tập đoàn, tổng công ty được đầu tư tăng tỷ lệ vốn góp vào các công ty cổ phần thuộc ngành nghề kinh doanh chính, để đạt tỷ lệ vốn nắm giữ ở công ty cổ phần theo quy định tại Quyết định số 929/QĐ-TTg.

Tóm lại, để đẩy nhanh quá trình tái cơ cấu doanh nghiệp, bản thân các tập đoàn, tổng công ty nhà nước phải chủ động, triển khai thực hiện Đề án tái cơ cấu doanh nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tận dụng mọi điều kiện, nguồn lực, để đầu tư nâng cấp, mở rộng, đổi mới máy móc, thiết bị khoa học, công

nghe. Các tập đoàn, tổng công ty phải chủ động và nhanh chóng sắp xếp lại tổ chức theo hướng tinh, gọn, hiệu quả để đưa bộ máy vào hoạt động. Đối với Nhà nước, cần hoàn chỉnh, bổ sung cơ chế chính sách phù hợp với trình độ quản lý. Các cơ quan quản lý chuyên ngành cần thường xuyên đối thoại, lắng nghe doanh nghiệp để có những điều chỉnh cơ chế, chính sách phù hợp, tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện để doanh nghiệp phát triển sản xuất kinh doanh.

PGS. TS. Hồ Sỹ Hùng, 11/2013

Tài liệu tham khảo:

- Báo cáo của Bộ Tài chính số 336/BC-CP ngày 16/11/2012
- Một số bài báo, thông tin đăng trên Tạp chí tài chính doanh nghiệp, trang Thông tin điện tử của Bộ Tài chính
- Các đề án tái cơ cấu của tập đoàn, tổng công ty và Quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ